

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Y tế thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Y tế thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Lưu: VT, KH-TC.

BỘ TRƯỞNG

Đào Hồng Lan

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 01/NQ-CP) với phương châm hành động là “*Kỷ cương trách nhiệm; chủ động hiệu quả; đổi mới sáng tạo; tăng tốc đột phá; tăng trưởng bền vững*”, Bộ Y tế ban hành Kế hoạch hành động với những nội dung như sau:

I. CÁC CHỈ TIÊU

1. Phần đầu đạt chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 được Quốc hội giao tại Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025 và Chính phủ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP:

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,5%.
- Số bác sĩ trên 1 vạn dân đạt 15,3 bác sĩ.
- Số giường bệnh trên 1 vạn dân đạt 34,7 giường bệnh.

2. Phần đầu đạt các chỉ tiêu cụ thể của ngành y tế năm 2026 (*chi tiết tại Phụ lục số 1 kèm theo Quyết định này*).

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác quản lý nhà nước và chỉ đạo điều hành

1.1. Hoàn thiện thể chế, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng chính sách và văn bản quy phạm pháp luật, tăng cường theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật; hoàn thành xây dựng, hoàn thiện các dự án luật, các đề án, văn bản trong Chương trình công tác của Chính phủ, Bộ Y tế năm 2026 và thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị, các văn bản của Đảng liên quan đến lĩnh vực y tế.

- Xây dựng, trình phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi, các văn bản hướng dẫn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, xác định các vướng mắc, bất cập, chồng chéo để kịp thời sửa đổi, bổ sung, giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Tiếp tục hệ thống hóa, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật và pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật của Bộ Y tế trong năm 2026. Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ngành y tế và tổ chức thực thi pháp luật nghiêm minh.

1.2. Tổ chức bộ máy ngành y tế

- Tiếp tục triển khai đề án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp khối phòng bệnh thuộc Bộ Y tế để thực hiện chức năng kiểm soát dịch bệnh Trung ương và các khu vực; sắp xếp, tổ chức lại các bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế; đề án sắp xếp lại các đơn vị làm nhiệm vụ kiểm nghiệm, kiểm định để hình thành hệ thống cơ quan kiểm soát dược phẩm và thực phẩm, thiết bị y tế phù hợp, hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục rà soát, tinh gọn cơ cấu tổ chức của các tổ chức hành chính thuộc Bộ. Hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ thực hiện sắp xếp các tổ chức thuộc và trực thuộc đơn vị theo đúng tiêu chí quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Rà soát, tổ chức xếp hạng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ.

- Hoàn thiện các quy trình công tác cán bộ theo hướng công khai, minh bạch, hướng dẫn các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của Bộ Y tế. Xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý đối với công chức, viên chức.

- Triển khai học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Quy chế dân chủ cơ sở, Quy tắc ứng xử, đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế, cơ sở y tế “Xanh-Sạch-Đẹp”.

1.3. Cải cách hành chính, kiểm tra, giám sát, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí

- Xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch Cải cách hành chính năm 2026 của Bộ Y tế. Tiếp tục triển khai hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 và Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ Quy định cắt giảm, đơn giản thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu. Hoàn thành thực thi các phương cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 của Bộ Y tế đã được phê duyệt tại Quyết định số 2111/QĐ-TTg ngày 22/9/2025 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3209/QĐ-BYT ngày 10/10/2025 của Bộ Y tế.

- Đẩy mạnh phân công, phân cấp, phân quyền, đi đôi với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực cán bộ thực thi và tăng cường kiểm tra, giám sát, hậu kiểm, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kịp thời và công khai kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

- Thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; việc thực hiện chức trách nhiệm vụ của người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức; việc kiểm soát thực hiện kê khai tài sản thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn.

1.4. Hợp tác quốc tế

- Tiếp tục thực hiện nghiêm Quy chế Quản lý thống nhất hoạt động đối ngoại theo Kết luận 33-KL/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn 05- HD/BĐNTW ngày 26/3/2019 của Ban Đối ngoại Trung ương; triển khai các hoạt động đối ngoại trong lĩnh vực y tế theo chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng và quy định của pháp luật về đối ngoại và hội nhập quốc tế.

- Tập trung đẩy mạnh hợp tác, hội nhập chuyên ngành theo cơ chế song phương và đa phương; mở rộng và làm sâu sắc quan hệ với các đối tác trong khuôn khổ ASEAN, Tổ chức Y tế thế giới (WHO), Liên minh châu Âu (EU) và các quốc gia trên thế giới, góp phần xây dựng nền y tế hiện đại, nhân văn và bền vững, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân và đóng góp vào các nỗ lực chung vì sức khỏe toàn cầu.

- Tiếp tục thực hiện các hoạt động đoàn ra, đoàn vào theo đúng trình tự, thủ tục, quy định có liên quan.

- Tích cực phối hợp với Ban Thư ký APEC Việt Nam và Bộ Ngoại giao tiến hành các hoạt động chuẩn bị phục vụ cho Năm 2027 Việt Nam đăng cai tổ chức.

- Chú trọng nâng cao năng lực trong công tác hội nhập thông qua việc cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, hội thảo, hội nghị, các chương trình đào tạo năng lực dài hạn, cử các đoàn học tập, trao đổi kinh nghiệm tại nước ngoài...

2. Cung ứng dịch vụ y tế

2.1. Phòng chống dịch, bệnh, bảo vệ, nâng cao sức khỏe

a) Phòng chống dịch, bệnh

- Nâng cao năng lực y tế dự phòng, dự báo, giám sát và phát hiện dịch bệnh sớm, không chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng.

- Triển khai thực hiện lộ trình tăng số lượng vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng giai đoạn 2021–2030 theo nội dung Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 15/8/2022 của Chính phủ. Xây dựng và triển khai thực hiện tốt Kế hoạch tiêm chủng mở rộng năm 2026.

- Ban hành Bộ tiêu chí về chuyên môn, kỹ thuật cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tuyến tỉnh và hướng dẫn triển khai thực hiện.

- Giám sát việc triển khai Chiến lược dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 và xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng đến năm 2030.

- Phòng, chống yếu tố nguy cơ bệnh không lây nhiễm: triển khai Chiến lược quốc gia phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030; xây dựng và triển khai

các chương trình, kế hoạch phòng, chống tác hại của rượu, bia và chương trình, kế hoạch tăng cường hoạt động thể lực cho người dân.

- Dự phòng, phát hiện, quản lý điều trị, chăm sóc người mắc bệnh không lây nhiễm: tiếp tục triển khai Chương trình sức khỏe Việt Nam; xây dựng và triển khai Chiến lược quốc gia phòng, chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2026-2035 và các chương trình, kế hoạch liên quan để tăng cường phòng, chống bệnh không lây nhiễm tại y tế cơ sở và tại cộng đồng.

b) Phòng chống HIV/AIDS

- Mở rộng và đổi mới các hoạt động truyền thông, can thiệp giảm hại và dự phòng lây nhiễm HIV. Tăng cường phối hợp liên ngành trong phòng, chống HIV/AIDS và huy động cộng đồng.

- Mở rộng và đa dạng hóa các loại hình tư vấn xét nghiệm HIV, đẩy mạnh xét nghiệm HIV dựa vào cộng đồng, tự xét nghiệm; tăng tỷ lệ người nhiễm HIV trong cộng đồng biết tình trạng HIV của mình.

- Giám sát chặt chẽ tình hình diễn biến dịch HIV/AIDS ở các nhóm có hành vi nguy cơ cao. Thiết lập hệ thống giám sát ca bệnh từ khi xác định nhiễm HIV, trong suốt quá trình tham gia điều trị, đến khi người nhiễm HIV tử vong.

- Nâng cao chất lượng điều trị HIV/AIDS, tăng tỷ lệ người nhiễm HIV biết tình trạng nhiễm HIV của mình được điều trị thuốc kháng vi rút HIV; tăng tỷ lệ người được điều trị thuốc kháng vi rút HIV có tải lượng vi rút dưới ngưỡng ức chế. Mở rộng cung cấp thuốc ARV và xét nghiệm tải lượng HIV qua BHYT, điều phối thuốc ARV các nguồn đảm bảo bệnh nhân được nhận thuốc điều trị liên tục và không bị gián đoạn điều trị. Đẩy mạnh các hoạt động phát hiện tích cực bệnh lao và điều trị lao tiềm ẩn cho người nhiễm HIV.

- Ban hành Khung theo dõi và đánh giá chiến lược quốc gia chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030. Thiết lập hệ thống giám sát ca bệnh từ khi xác định nhiễm HIV cho đến tham gia điều trị, chuyển đổi cơ sở điều trị, chất lượng điều trị, tuân thủ điều trị cho đến tận khi người nhiễm HIV tử vong. Tiếp tục duy trì hoạt động giám sát trọng điểm HIV, STI và giám sát hành vi lây nhiễm HIV phù hợp. Áp dụng kỹ thuật chẩn đoán mới nhiễm trong giám sát trọng điểm để đánh giá và ước tính nguy cơ lây nhiễm HIV trong các nhóm có hành vi nguy cơ cao, đặc biệt là nhóm MSM.

c) Quản lý môi trường y tế

- Hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển y tế học đường đến năm 2030; Kế hoạch hoạt động giai đoạn 2026-2030 thực hiện Đề án truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, cải thiện nước sạch nông thôn, Đề án ứng phó với biến đổi khí hậu ngành y tế, Kế hoạch phòng chống tai nạn, thương tích tại cộng đồng.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, phối hợp triển khai công tác y tế trường học, phong trào vệ sinh yêu nước nâng cao sức khỏe nhân dân, tăng cường truyền thông hướng dẫn bảo vệ sức khỏe cộng đồng trước tác động của thiên tai và thời tiết cực

đoan, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường. Tiếp tục tổ chức hội thảo, hội nghị nâng cao năng lực cho cán bộ y tế về các lĩnh vực biến đổi khí hậu, giám sát chất lượng nước, vệ sinh nhà tiêu hộ gia đình.

- Tiếp tục triển khai và tổ chức đánh giá sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình bảo vệ nâng cao sức khỏe người lao động phòng chống bệnh nghề nghiệp giai đoạn 2020-2030 được phê duyệt tại Quyết định số 659/QĐ-TTg ngày 20/05/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức các hội thảo nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ y tế lao động các tuyến, đáp ứng nhu cầu quản lý vệ sinh lao động, phòng, chống bệnh nghề nghiệp tại nơi làm việc, tại các cơ sở sản xuất kinh doanh; đảm bảo an toàn vệ sinh lao động cho cán bộ y tế tại cơ sở y tế; kiện toàn mạng lưới cán bộ y tế tại các cơ sở sản xuất kinh doanh. Xây dựng và triển khai Kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích ngành y tế năm 2026.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất thải trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế; giám sát thực hiện cơ sở y tế xanh sạch đẹp. Khảo sát, xây dựng Tiêu chí cơ sở y tế xanh, bền vững có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và sự cố môi trường. Tổ chức sơ kết giữa kỳ việc thực hiện tăng trưởng xanh của Bộ Y tế.

- Tiếp tục triển khai, thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021 – 2025; Chương trình Y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021 – 2025. Tăng cường công tác quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.

2.2. Bảo đảm an toàn thực phẩm

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện thể chế quản lý an toàn thực phẩm. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi); triển khai Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới; Hướng dẫn số 82-HD/BTGTW ngày 02/12/2022 của Ban Tuyên giáo Trung ương thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW và Quyết định số 426/QĐ-TTg ngày 21/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW.

- Tiếp tục tăng cường công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm, đặc biệt là ngộ độc thực phẩm tại các bếp ăn tập thể, trường học, ngộ độc thực phẩm do thức ăn đường phố. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng như công an, quản lý thị trường trong việc kiểm tra, giám sát, ngăn chặn thực phẩm giả, thực phẩm nhập lậu, nhất là tại các địa bàn, tuyến trọng điểm.

- Tiếp tục quản lý chặt chẽ việc quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe, xử lý nghiêm các vi phạm quy định về quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

2.3. Dân số và phát triển

- Thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

- Xây dựng các văn bản hướng dẫn, thi hành Luật Dân số; nội dung dân số và phát triển trong Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình, đề án về công tác dân số, trọng tâm là Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, tập trung vào khuyến khích các cặp vợ chồng, cá nhân sinh con; giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

2.4. Công tác bà mẹ và trẻ em

- Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật nhằm tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, chăm sóc sức khỏe sinh sản (CSSKSS), bảo đảm thực hiện quyền trẻ em. Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 05 Quyết định¹; Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành 05 Quyết định². Tiếp tục xây dựng/hoàn thiện, phổ biến các tài liệu hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, CSSKSS.

- Tập trung triển khai các biện pháp nhằm hạn chế tai biến sản khoa, giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh: củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ của mạng lưới khám chữa bệnh chuyên ngành sản, nhi; Đào tạo, nâng cao năng lực, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, thuốc thiết yếu về dự phòng, phát hiện và xử trí cấp cứu sản khoa và sơ sinh; Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế chuyển tuyến cấp cứu sản khoa và sơ sinh; Sẵn sàng đáp ứng, xử trí nhanh, hiệu quả các sự cố y khoa.

- Triển khai các nội dung mở rộng của sức khỏe sinh sản: (1) Đổi mới và tăng cường sự phối hợp hoạt động giữa các Điểm cung cấp dịch vụ thân thiện và các Câu lạc bộ CSSKSS vị thành niên/thanh niên thông qua việc tổ chức các buổi sinh hoạt theo chủ đề truyền thông về CSSKSS theo Hướng dẫn của Bộ Y tế; (2) nghiên cứu, đề xuất thí điểm các can thiệp đặc thù đáp ứng nhu cầu CSSKSS của vị thành niên/thanh niên khu công nghiệp; (3) mở rộng phạm vi và nâng cao chất lượng can thiệp dự phòng lây truyền 3 bệnh HIV, giang mai, viêm gan B từ mẹ sang con; (4) triển khai khám, sàng lọc phát hiện sớm ung thư cổ tử cung kết hợp sàng lọc bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản.

¹ 05 quyết định của Thủ tướng: (1) Chiến lược quốc gia về phát triển trẻ em giai đoạn 2026-2035 và tầm nhìn đến năm 2045; (2) Đề án chăm sóc vì sự phát triển toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2026-2035; (3) Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận với các dịch vụ bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em tại cộng đồng giai đoạn 2026-2035; (4) Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026-2030; (5) Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em giai đoạn 2026-2030.

² 05 quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế: (1) Quy định tiêu chuẩn về sự tham gia của trẻ em; (2) Quy định quy trình hỗ trợ, can thiệp lao động trẻ em; (3) Kế hoạch hành động quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản, tập trung vào chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ giai đoạn 2026-2030; (4) Đề án củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ bảo vệ, chăm sóc bà mẹ, trẻ em, chăm sóc sức khỏe sinh sản các cấp; (5) Hướng dẫn quốc gia phân Kế hoạch hóa gia đình, Phá thai an toàn.

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông - giáo dục sức khỏe, chú trọng vào truyền thông trực tiếp tại hộ gia đình; cải tiến nội dung, đa dạng hóa hình thức truyền thông. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và đẩy mạnh hợp tác quốc tế, huy động ngân sách và vận động tài trợ cho công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, CSSKSS.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách, pháp luật³ và các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em đã được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành trong giai đoạn 2021-2030. Phát huy hiệu quả hoạt động của Ủy ban quốc gia về trẻ em. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em các cấp thông qua việc xây dựng, cập nhật, chuẩn hóa tài liệu và tổ chức các lớp tập huấn về bảo đảm thực hiện quyền trẻ em.

- Củng cố và phát triển hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em bảo đảm hỗ trợ, can thiệp trẻ em có nguy cơ cao bị xâm hại hoặc bị xâm hại; tăng cường phối hợp liên ngành, liên cấp và mở rộng mạng lưới tham gia bảo vệ trẻ em. Triển khai hiệu quả các giải pháp, mô hình, dịch vụ hỗ trợ, can thiệp về bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số; triển khai kết nối, liên thông cơ sở dữ liệu trẻ em với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu khác. Xây dựng, thực hiện hiệu quả các quy chế, quy trình phối hợp liên ngành về bảo vệ trẻ em. Thực hiện hội nhập và hợp tác quốc tế sâu rộng hơn trong bảo đảm thực hiện quyền trẻ em.

2.5. Công tác khám, chữa bệnh

- Tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh. Tập trung hoàn thiện trình Quốc hội thông quan Luật sửa đổi, bổ sung Luật hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác; Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá; sửa đổi, bổ sung Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 32/2023/TT-BYT; xây dựng Nghị định quy định biện pháp tổ chức quản lý người bị áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh trong thời gian điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và các Đề án trọng tâm, cập nhật các hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật.

- Triển khai các giải pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; nâng cao hiệu quả công tác quản trị bệnh viện và quản lý chất lượng bệnh viện. Tiếp tục phát triển các kỹ thuật y khoa chuyên sâu; mở rộng các hoạt động khám chữa bệnh từ xa, tăng cường công tác chỉ đạo chuyên môn kỹ thuật, chuyển giao kỹ thuật. Triển khai hiệu quả quản lý công tác giám định pháp y, pháp y tâm thần và bắt buộc chữa bệnh. Tăng cường các giải pháp nhằm bảo đảm an ninh, an toàn tại các cơ sở y tế.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh. Trong đó, tập trung triển khai hoàn thiện CSDL lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh. Tiếp tục

³ Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, Luật Trẻ em, Nghị quyết số 121/2020/QH14 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em; Nghị định số 56/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em; Quyết định số 1183/QĐ-TTg ngày 14/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW; Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030.

đẩy mạnh công tác phân cấp giải quyết thủ tục hành chính và kiểm tra giám sát trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.

2.6. Công tác y dược cổ truyền

- Nghiên cứu, hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển y dược cổ truyền nhằm tạo hành lang pháp lý đầy đủ và mang tính đặc thù, phát huy tiềm năng và thế mạnh của lĩnh vực y, dược cổ truyền. Tiếp tục xây dựng, củng cố và phát triển hệ thống khám, chữa bệnh bằng y, dược cổ truyền từ tuyến Trung ương đến tuyến cơ sở. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực y dược cổ truyền.

- Tăng tỉ lệ dược liệu nuôi trồng trong nước, khuyến khích dược liệu nuôi trồng đạt tiêu chuẩn thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế thế giới; giảm dần tỉ lệ nhập khẩu dược liệu, thuốc cổ truyền. Phát triển các sản phẩm có nguồn gốc từ dược liệu và thuốc cổ truyền có giá trị kinh tế cao phục vụ người bệnh và phát triển kinh tế xã hội.

- Xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh theo y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại; quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại; phác đồ điều trị kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại phục vụ công tác kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong khám và chữa bệnh. Chuẩn hóa tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền phục vụ công tác phát triển dược liệu và thuốc cổ truyền đảm bảo chất lượng.

2.7. Công tác bảo trợ xã hội

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các dự án xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Người cao tuổi; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Người khuyết tật; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh phòng, chống mại dâm; rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực Bảo trợ xã hội để bảo đảm phù hợp sắp xếp, tổ chức bộ máy khi thực hiện chính quyền hai cấp.

- Tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đầy đủ, kịp thời, hiệu quả, đúng đối tượng, đúng quy định pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, tránh trục lợi chính sách.

- Tổ chức hướng dẫn thực hiện tốt Luật người cao tuổi, triển khai chính sách người cao tuổi; nhân rộng mô hình câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau; tập huấn nâng cao năng lực cán bộ làm công tác người cao tuổi; triển khai thực hiện kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về người cao tuổi đến năm 2030 tầm nhìn 2045.

- Tổ chức hướng dẫn thực hiện các chính sách đối với người khuyết tật, Luật Người khuyết tật, Công ước của Liên hợp quốc về quyền của người khuyết tật; Chỉ thị số 39-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII; Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch hành động quốc gia khắc phục hậu quả CĐHH/dioxin sau chiến tranh ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030.

- Triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển công tác xã hội giai đoạn 2021-2030, Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí giai đoạn 2021-2030, Chương trình hành động quốc gia khắc phục hậu quả bom, mìn sau chiến tranh giai đoạn 2026-2050.

- Triển khai quy hoạch, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 nhằm phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ về trợ giúp xã hội, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đối tượng.

- Xây dựng Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2026-2035; hướng dẫn, đôn đốc, tổ chức triển khai, công tác phòng, chống mại dâm đối với các bộ ngành và tại các địa phương.

- Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện chính sách pháp luật về hỗ trợ nạn nhân bị mua bán; quy chế phối hợp liên ngành trong công tác hỗ trợ nạn nhân; Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2026-2030 và định hướng đến năm 2035; tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương, cơ quan có liên quan thực hiện công tác tiếp nhận, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán.

3. Dược, hạ tầng và thiết bị y tế

3.1. Quản lý dược

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược. Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển ngành dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chương trình bảo đảm nguồn cung ứng vắc xin cho tiêm chủng đến năm 2030.

- Bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vắc xin có chất lượng, an toàn, hiệu quả, giá hợp lý cho công tác chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân, phòng chống thiên tai, thảm họa và các tình huống khẩn cấp. Tiếp tục giải quyết thủ tục hành chính việc cấp, gia hạn, thay đổi bổ sung giấy đăng ký lưu hành đáp ứng quy định nhằm đảm bảo nguồn cung ứng thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Tập trung đảm bảo nguồn cung đối với một số thuốc hiếm, thuốc có nguồn cung hạn chế. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý hồ sơ; hoàn thiện các tiện ích trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực đăng ký thuốc; kết nối các cơ sở sản xuất, xuất nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ thuốc.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý giá thuốc quy định tại Luật Dược, Nghị định hướng dẫn Luật Dược và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đã giúp thị trường dược phẩm vẫn được duy trì bình ổn, không có hiện tượng đầu cơ tích trữ, găm hàng đẩy giá lên cao.

- Tăng cường quản lý chất lượng thuốc: Triển khai kiểm soát viên chất lượng theo quy định của Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa. Tăng cường công

tác tuyên truyền phòng chống thuốc giả, thuốc kém chất lượng, thuốc không rõ nguồn gốc, phối hợp với địa phương và các ngành (Quản lý thị trường, Công an, Hải quan...) tăng cường giám sát chất lượng thuốc; công tác kiểm tra, hậu kiểm về việc thực hiện các quy định về đăng ký lưu hành, quản lý chất lượng, kinh doanh và sản xuất thuốc.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển chuyên gia công nghệ, sản xuất dược chất, thuốc mới, thuốc biệt dược gốc, thuốc sắp hết hạn bằng sáng chế hoặc các độc quyền có liên quan... Nghiên cứu, hoàn thiện các quy định về khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi, đặc biệt ưu đãi đầu tư. Ưu tiên phát triển các dự án sản xuất thuốc chuyển giao công nghệ, thuốc gia công ngay khi hết hạn bằng sáng chế hoặc các độc quyền có liên quan. Huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất thuốc, chuyển giao công nghệ sản xuất thuốc, vắc xin, sinh phẩm phẩm y tế.

3.2. Hạ tầng và thiết bị y tế

- Rà soát, hoàn thiện thể chế về hạ tầng và thiết bị y tế. Tập trung quản lý, cấp phép, gia hạn thiết bị y tế; giải quyết triệt để các hồ sơ tồn đọng. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hoạt động nhập khẩu, bảo đảm chất lượng thiết bị y tế.

- Tập trung hỗ trợ sản xuất thiết bị y tế trong nước trên một số lĩnh vực ưu tiên gồm sản xuất, cung ứng các thiết bị y tế thiết yếu, thiết bị y tế thông dụng và một số thiết bị y tế công nghệ cao, nhất là y tế cơ sở. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động đa dạng các nguồn lực trong xã hội để phát triển ngành sản xuất thiết bị y tế trong nước.

- Xây dựng và áp dụng hiệu quả tiêu chuẩn quốc gia về thiết bị y tế; thực hiện chuẩn hóa năng lực, hoạt động của các tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm thiết bị y tế.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm, hoàn thành và đưa vào sử dụng để tăng thêm số cơ sở y tế, giường bệnh. Đôn đốc các đơn vị, địa phương hoàn thiện thủ tục đầu tư và triển khai các chương trình, dự án đầu tư.

4. Khoa học công nghệ và đào tạo nhân lực y tế

4.1. Công tác đào tạo nhân lực y tế

- Tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến đặc thù đào tạo nhân lực y tế nhằm tạo môi trường pháp lý triển khai đổi mới đào tạo nhân lực y tế đáp ứng yêu cầu đảm bảo và nâng cao chất lượng nhân lực y tế, tiến tới hội nhập quốc tế. Triển khai các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 3265/QĐ-BYT ngày 16/10/2025 Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân và đôn đốc các đơn vị triển khai Quyết định số 3368/QĐ-BYT ngày 29/10/2025 ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW. Trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực sức khỏe. Triển khai Đề án tăng cường đào tạo dược sĩ làm công tác dược lâm sàng giai đoạn 2025-2030 và

tầm nhìn 2045; Triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực y tế giai đoạn 2023-2030, định hướng 2050 đảm bảo số lượng, chất lượng, cơ cấu và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực y tế.

- Xây dựng chuẩn năng lực nghề nghiệp, chuẩn chương trình đào tạo, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo khối ngành sức khỏe theo hướng dựa trên năng lực, phù hợp với từng lĩnh vực, chuyên ngành và trình độ đào tạo gắn với yêu cầu và nhu cầu sử dụng của hệ thống y tế. Phối hợp với Hội đồng Y khoa Quốc gia chuẩn bị triển khai tổ chức kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề để đảm bảo công bằng, chất lượng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. Xây dựng, phát triển 05 trường đại học trọng điểm đóng vai trò hạt nhân, nòng cốt trong mạng lưới cơ sở giáo dục đại học lĩnh vực sức khỏe, đạt chất lượng ngang tầm khu vực.

- Tiếp tục triển khai đào tạo nhân lực y tế cho vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa nhằm từng bước đảm bảo số lượng và chất lượng nhân lực y tế đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân tại tuyến cơ sở, vùng khó khăn, vùng sâu vùng xa.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về nhân lực y tế làm cơ sở phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực y tế để đào tạo và phát triển nâng cao trình độ nhân lực y tế; gắn đào tạo với sử dụng nhân lực y tế đảm bảo về số lượng, chất lượng, cơ cấu, phân bổ hợp lý theo lĩnh vực, vùng miền đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

- Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát về việc tổ chức thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe; giám sát, kiểm tra các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo liên tục cán bộ y tế; tăng cường quản lý chất lượng đào tạo thông qua các hoạt động giám sát thường xuyên, kiểm định chất lượng.

4.2. Công tác khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo ngành y tế

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo ngành y tế: Hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới phù hợp đặc thù của ngành y tế và yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế.

- Tập trung đẩy mạnh triển khai Quyết định số 2121/QĐ-BYT ngày 26/6/2025 ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Y tế thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Quyết định 1131/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt các nhiệm vụ, dự án trọng tâm để thúc đẩy chuyển giao công nghệ, sản xuất, thương mại hóa các sản phẩm của ngành. Tổ chức triển khai 5 chương trình khoa học công nghệ cấp Bộ giai đoạn 2026 – 2030 theo định hướng Nghị quyết 57-NQ/TW và các văn bản pháp luật KHCN sửa đổi.

- Đẩy mạnh xây dựng TCVN, QCVN phục vụ quản lý nhà nước về chất lượng, sản phẩm hàng hóa đối với các sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Y tế. Xây dựng các TCVN cho các sản phẩm hàng hóa, các đối tượng tiêu chuẩn phục vụ công tác kiểm nghiệm, khảo nghiệm và kiểm định, đánh giá: thiết bị y tế; dược; thực phẩm chức năng và hóa chất, sinh phẩm và cơ sở dữ liệu y tế.

- Ưu tiên tăng cường năng lực nghiên cứu cho các tổ chức nghiên cứu có thế mạnh (ưu tiên các lĩnh vực nghiên cứu công nghệ chiến lược trong phòng chống dịch bệnh, ung thư, công nghệ sinh học, công nghiệp dược, vắc xin v.v..). Đầu tư nâng cấp, nâng cao năng lực nghiên cứu và đổi mới sáng tạo một số tổ chức khoa học và công nghệ mũi nhọn.

5. Tài chính y tế

- Tổ chức điều hành hiệu quả dự toán ngân sách năm 2026. Đẩy nhanh tiến độ phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công; nhiệm vụ, dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Thực hiện giá dịch vụ y tế theo lộ trình tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí, đảm bảo vừa điều chỉnh được giá nhưng vẫn thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy lộ trình BHYT toàn dân. Xây dựng giá dịch vụ y tế dự phòng.

- Phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản tháo gỡ các vướng mắc trong mua sắm, đấu thầu, xã hội hóa, tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Rà soát, hoàn thiện thể chế, thúc đẩy sắp xếp doanh nghiệp và cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ miễn, giảm chi phí cho một số đối tượng chính sách, người nghèo, người yếu thế trong khám, chữa bệnh; phấn đấu đến năm 2030, người dân được miễn viện phí ở mức cơ bản trong phạm vi quyền lợi bảo hiểm y tế theo lộ trình. Hoàn thành xây dựng đề án thành lập cơ quan thực hiện chức năng kiểm soát dịch bệnh ở trung ương.

- Nghiên cứu, xây dựng lộ trình điều chỉnh mức đóng BHYT phù hợp với lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế, nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân và điều kiện kinh tế - xã hội. Hoàn thiện phương thức chi trả theo định suất, trọn gói theo trường hợp bệnh một cách phù hợp. Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định về phạm vi quyền lợi BHYT về thuốc, hóa chất, vật tư y tế, dịch vụ kỹ thuật đảm bảo quyền lợi của người tham gia BHYT, yêu cầu chuyên môn trong khám chữa bệnh tại các tuyến, chú trọng tuyến y tế cơ sở, phù hợp với khả năng chi trả của quỹ BHYT. Tăng cường công tác quản lý nhà nước, giải quyết vướng mắc, bất cập phát sinh trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2144/QĐ-BYT ngày 27/6/2025 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

6. Hệ thống thông tin và chuyển đổi số y tế

- Tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý cho việc phát triển ứng dụng công nghệ thông tin y tế; rà soát, sửa đổi các quy định pháp lý về kết nối, khai thác dữ liệu, về bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật trong hoạt động y tế trên nền tảng số...

- Tập trung đẩy mạnh triển khai Đề án 06/CP; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong hầu hết các hoạt động, dịch vụ của ngành y tế, hình thành nền y tế thông minh với ba nội dung chính là phòng bệnh thông minh, khám chữa bệnh thông minh và quản trị y tế thông minh.

- Tiếp tục xây dựng hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí, hình thành các bệnh viện thông minh. Xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Thực hiện các giải pháp để đẩy mạnh sự tham gia của các cá nhân, doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Y tế. Triển khai định danh và xác thực người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ trực tuyến được thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống trực tuyến của Bộ Y tế. Triển khai trợ lý ảo phục vụ hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức và duy trì trợ lý ảo phục vụ người dân.

- Tiếp tục tổ chức thẩm định, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của Bộ Y tế và triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cho các hệ thống thông tin của Bộ Y tế đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Phối hợp với các đơn vị liên quan, tổ chức đánh giá an toàn thông tin, dán nhãn tín nhiệm mạng cho cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế và các trang thông tin điện tử của Bộ Y tế, các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ ĐƯỢC CHÍNH PHỦ GIAO

Một số nhiệm vụ cụ thể cho ngành y tế năm 2026 được Chính phủ giao chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lãnh đạo Bộ Y tế chỉ đạo chung việc thực hiện Kế hoạch hành động của Bộ, chịu trách nhiệm trước Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ của Bộ được Chính phủ giao, bảo đảm thực hiện một cách kịp thời và hiệu quả những nội dung của Kế hoạch hành động.

2. Trên cơ sở những nhiệm vụ, nội dung công việc chủ yếu trong Kế hoạch hành động này và Phụ lục kèm theo, căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ:

- Phát huy tối đa mặt tích cực, kết quả đạt được, nỗ lực khắc phục những hạn chế, bất cập trên các lĩnh vực; theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc thực hiện nhanh, hiệu quả, thiết thực và toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp đã

được đề ra tại Kết luận số 199-KL/TW ngày 10/10/2025 của Hội nghị Trung ương 13 khóa XIII; Kết luận số 203-KL/TW ngày 04/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện ở mức cao nhất mục tiêu tăng trưởng năm 2025, tạo đà vững chắc cho tăng trưởng bền vững ở mức 2 con số trong giai đoạn tới và tổng kết Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII; Nghị quyết số 244/2025/QH15 ngày 13/11/2025 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, Nghị quyết số 245/2025/QH15 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, các Nghị quyết khác của Đảng, Quốc hội và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết này; kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, tạo chuyển biến rõ nét ngay từ đầu năm; chịu trách nhiệm toàn diện trước Lãnh đạo Bộ Y tế về kết quả thực hiện của đơn vị mình.

- Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các đơn vị thuộc Bộ, các Bộ ngành liên quan, Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ; tham mưu, đề xuất các giải pháp, biện pháp cụ thể, kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ những vấn đề phát sinh trong thực hiện.

- Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ, cơ quan liên quan xây dựng kịch bản tăng trưởng của ngành, lĩnh vực hàng quý, cả năm 2026 gửi Bộ Tài chính trong tháng 02 năm 2026 để tổng hợp, theo dõi.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; định kỳ hàng quý, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch hành động này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, trong đó có các chỉ tiêu tại Phụ lục số 1, các nhiệm vụ tại Phụ lục số 2, gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính trước ngày 15 tháng cuối quý để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ, gửi Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng cuối quý.

- Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch hành động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cho năm 2026, gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính trước ngày 10 tháng 11 năm 2026 để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ, gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 11 năm 2026 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ tại phiên họp Chính phủ tháng 12 năm 2026.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ theo dõi, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này. Văn phòng Bộ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Kế hoạch hành động này để tổ chức thực hiện./.

Phụ lục 1
CÁC CHỈ TIÊU Y TẾ NĂM 2026 ĐƯỢC CHÍNH PHỦ GIAO
TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu 2026	Đơn vị chủ trì
I	Chỉ tiêu KTXH chủ yếu			
1	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95,5	Vụ Bảo hiểm y tế
2	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Bác sĩ	15,3	Vụ Tổ chức cán bộ
3	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường bệnh	34,7	Cục Quản lý Khám, chữa bệnh
II	Chỉ tiêu cụ thể ngành, lĩnh vực			
1	Tuổi thọ trung bình (tính từ lúc sinh)	Tuổi	74,8	Cục Dân số
2	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	90	Cục Quản lý Khám, chữa bệnh
3	Tỷ lệ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế	%	Trên 80	Cục Quản lý Khám, chữa bệnh
4	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/100 bé gái	111	Cục Dân số
5	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi	Số ca/1.000 trẻ đẻ sống	11	Cục Bà mẹ và Trẻ em
6	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi	Số ca/1.000 trẻ đẻ sống	16	
7	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/tuổi)	%	16,8	Cục Phòng bệnh
8	Số dược sĩ đại học trên 10.000 dân	Dược sĩ/vạn dân	3,4	Vụ Tổ chức cán bộ
9	Số điều dưỡng trên 10.000 dân	Điều dưỡng/vạn dân	25	Vụ Tổ chức cán bộ
10	Tỷ lệ người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng kịp thời	%	Trên 91	Cục Bảo trợ xã hội
11	Tỷ lệ người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, phụng dưỡng, chăm sóc kịp thời	%	Trên 91	Cục Bảo trợ xã hội

Phụ lục 2**MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA BỘ Y TẾ ĐƯỢC CHÍNH PHỦ GIAO
TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP**

TT	Nhiệm vụ	Thời hạn hoàn thành	Đơn vị chủ trì
1	Xây dựng Đề án phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện giai đoạn 2026 - 2030	Quý II/2026	Cục Quản lý khám, chữa bệnh
2	Xây dựng Đề án phát triển du lịch y tế giai đoạn 2026 - 2030	Quý IV/2026	Cục Quản lý khám, chữa bệnh
3	Xây dựng Đề án phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu	Quý IV/2026	Cục Quản lý khám, chữa bệnh
4	Xây dựng Đề án nâng cao năng lực hệ thống kiểm nghiệm, kiểm định thuộc lĩnh vực y tế	Quý IV/2026	Cục Quản lý Dược
5	Xây dựng Chiến lược quốc gia về phát triển trẻ em giai đoạn 2026 – 2035, tầm nhìn đến 2045	Quý IV/2026	Cục Bà mẹ và Trẻ em
6	Xây dựng Đề án chăm sóc phát triển toàn diện trẻ em những năm đầu đời giai đoạn 2026 – 2030	Quý IV/2026	Cục Bà mẹ và Trẻ em
7	Xây dựng Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em và phòng ngừa giảm thiểu lao động trẻ em trái quy định của pháp luật giai đoạn 2026 – 2030	Quý IV/2026	Cục Bà mẹ và Trẻ em
8	Xây dựng Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục giai đoạn 2026 – 2030	Quý IV/2026	Cục Bà mẹ và Trẻ em
9	Xây dựng Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em giai đoạn 2026 - 2030	Quý IV/2026	Cục Bà mẹ và Trẻ em
10	Nghị định thay thế Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 76/2024/NĐCP ngày 30/6/2024	Quý II/2026	Cục Bảo trợ xã hội
11	Nghị định sửa đổi Nghị định 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội	Quý III/2026	Cục Bảo trợ xã hội
12	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 110/2024/NĐ-CP ngày 30/8/2024 của Chính phủ về công tác xã hội	Quý IV/2026	Cục Bảo trợ xã hội
13	Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2026-2035	Quý IV/2026	Cục Bảo trợ xã hội
14	Xây dựng Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Dân số	Tháng 5/2026	Cục Dân số
15	Xây dựng Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2026-2035	Tháng 11/2026	Cục Dân số